

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

(Kèm theo Quyết định số **1144**/QĐ-HVTC ngày **05 / 9** /2025 của Giám đốc Học viện Tài chính)

- NGÀNH ĐÀO TẠO:	KẾ TOÁN (Tên Tiếng Anh: Accounting)
- MÃ NGÀNH:	7340301
- TÊN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO:	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP (Tên Tiếng Anh: Corporate Accounting)
- MÃ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO:	02.01
- TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO:	Đại học (Chương trình chuẩn)
- HÌNH THỨC ĐÀO TẠO:	Chính quy
- VĂN BẰNG TỐT NGHIỆP:	Cử nhân
- ĐƠN VỊ CẤP BẰNG:	Học viện Tài chính
- ÁP DỤNG TỪ NĂM TUYỂN SINH:	2025 (Từ khóa 63)

1. THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 4 năm

2. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO:

2.1. Mục tiêu chung: Chương trình đào tạo (CTĐT) Kế toán doanh nghiệp, ngành Kế toán trình độ đại học là CTĐT định hướng ứng dụng, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước, có phẩm chất chính trị, đạo đức, có sức khỏe, có kiến thức chuyên môn về Kế toán doanh nghiệp toàn diện, có tư duy, sáng tạo và logic, có năng lực nghiên cứu khoa học, phân tích đánh giá và hoạch định chính sách liên quan đến kế toán. Người học sau khi tốt nghiệp nắm vững nền tảng cơ bản về khoa học tự nhiên - xã hội, chính trị và pháp luật, ngoại ngữ; về kinh tế, tài chính, kế toán, quản lý và quản trị; chuyên sâu về lĩnh vực Kế toán doanh nghiệp; có kỹ năng giao tiếp, ứng xử và giải quyết vấn đề liên quan; có khả năng lãnh đạo, quản lý; làm việc khoa học, đổi mới và sáng tạo; phân tích, đánh giá, hoạch định, tổng hợp và thực hành nghề nghiệp; tự chủ, trách nhiệm, tự đào tạo và khởi nghiệp; thích ứng nhanh với môi trường làm việc thay đổi gắn với kỷ nguyên số; có ý thức kỷ luật, phục vụ cộng đồng và học tập suốt đời. Ngoài ra, người học được trang bị kiến thức chuyên sâu khác nhằm mở rộng cơ hội nghề nghiệp và hội nhập quốc tế.

2.2. Mục tiêu cụ thể (PO: Program Objectives)

2.2.1. Về kiến thức

PO1: - Có kiến thức nền tảng về: khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, chính trị, pháp luật; công nghệ thông tin (CNTT) và trí tuệ nhân tạo (AI), Tiếng Anh cơ bản để vận dụng vào nghề nghiệp, cuộc sống.

- Có kiến thức cơ bản về giáo dục quốc phòng và an ninh (GDQP&AN), giáo dục thể chất (GDTC) để có thể rèn luyện sức khỏe, sống có kỷ luật, đồng thời có ý thức góp phần xây dựng phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc.

PO2: Có kiến thức cơ bản về kinh tế, tài chính, kế toán, pháp luật kinh tế, kinh tế lượng, nguyên lý thống kê để vận dụng và giải quyết tốt các vấn đề cơ bản của lĩnh vực kế toán trong môi trường làm việc thực tế; có năng lực Tiếng Anh chuyên sâu và ứng dụng công nghệ số.

PO3: - Có kiến thức chung của ngành Kế toán, Kiểm toán, Tài chính- Ngân hàng và lĩnh vực Thống kê để làm nền tảng đào tạo chuyên sâu và vững chắc về lĩnh vực Kế toán doanh nghiệp.

- Có kiến thức chuyên môn cụ thể khác của ngành: Kế toán, TC-NH, Kiểm toán, Quản trị kinh doanh, Kinh tế đầu tư, Quản lý công bố trợ cho ngành Kế toán, CTĐT Kế toán doanh nghiệp để người học sau khi tốt nghiệp đáp ứng được yêu cầu về lĩnh vực được đào tạo và mở rộng cơ hội nghề nghiệp sang các lĩnh vực khác.

PO4: - Có kiến thức lý thuyết sâu, rộng về Kế toán doanh nghiệp như: Ghi nhận, xử lý và cung cấp thông tin kinh tế, tài chính nhằm phục vụ cho việc hoạch định, kiểm tra và kiểm soát các hoạt động của các loại hình doanh nghiệp

- Có kiến thức chuyên sâu về Kế toán doanh nghiệp để thực hiện công việc chuyên môn; tham mưu, tư vấn và hỗ trợ ra quyết định cho các nhà quản lý khác nhau.

- Có kiến thức thực tế vững chắc, thực hành nghề nghiệp để lập báo cáo và thực tập tốt nghiệp.

2.2.2. Về kỹ năng

PO5: - Có kỹ năng nghề nghiệp chuyên sâu để giải quyết những vấn đề cụ thể hoặc phức tạp liên quan đến lĩnh vực Kế toán doanh nghiệp cũng như các lĩnh vực hỗ trợ khác.

- Có kỹ năng giao tiếp, ứng xử, làm việc khoa học và chuyên nghiệp; biết dẫn dắt chuyên môn, tự cập nhật kiến thức phục vụ công việc.

- Có kỹ năng học tập, nghiên cứu đáp ứng yêu cầu chuẩn công nghệ thông tin, ngoại ngữ theo quy định hiện hành để phục vụ công việc.

2.2.3. Về mức độ tự chủ và trách nhiệm

PO6: - Có khả năng áp dụng kiến thức, kỹ năng đã được đào tạo để tổ chức, thực hiện tốt nhất công việc với nhóm, cá nhân, tập thể một cách khoa học, chuyên nghiệp; tự chịu trách nhiệm cá nhân; có ý thức kỷ luật; tuân thủ pháp luật.

- Có trách nhiệm với tập thể/đơn vị, với nhóm, cộng đồng và xã hội.

2.3. Khả năng học tập nâng cao trình độ của người học sau khi tốt nghiệp

- Có khả năng tiếp tục học tập ở bậc cao hơn tại các cơ sở giáo dục đại học uy tín trong nước và quốc tế.

- Có khả năng tự học, cập nhật, bổ sung các kiến thức mới phục vụ công tác chuyên môn.

- Có khả năng tham gia các kỳ thi lấy chứng chỉ hành nghề chuyên nghiệp về kế toán – kiểm toán trong nước và quốc tế

- Có cơ hội nhận được bằng đại học thứ 2 ngành khác của Học viện nếu người học đăng ký học cùng lúc 2 chương trình.

2.4. Về vị trí/chức danh làm việc sau khi tốt nghiệp

- Sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp có cơ hội và có khả năng đảm nhận các công việc chuyên môn được đào tạo về lĩnh vực Kế toán nói chung, kế toán doanh nghiệp nói riêng cũng như các lĩnh vực khác trong các cơ quan Nhà nước, các công ty, tổ chức, tập đoàn trong nước và quốc tế, cụ thể:

+ Có thể đảm nhận ngay công việc chuyên môn như: kế toán viên, nhân viên tài chính, nhân viên phân tích tài chính và kiểm soát viên tại các doanh nghiệp, các tập đoàn, tổng công ty thuộc mọi lĩnh vực, mọi thành phần kinh tế trong nước và các nước trong khu vực.

+ Có triển vọng trở thành kế toán trưởng, giám đốc tài chính, trưởng ban kiểm soát, các nhà lãnh đạo doanh nghiệp; các nhà quản lý của các đơn vị, cơ quan Nhà nước từ trung ương đến địa phương.

+ Có thể làm việc chuyên môn tại Kiểm toán nhà nước; các công ty kiểm toán độc lập; các tổ chức tài chính - tín dụng; các cơ quan quản lý nhà nước như: Bộ Tài chính, Cục Thuế, Cục Hải quan; các cục, vụ thuộc các Bộ; Kho bạc Nhà nước; các đơn vị hành chính, sự nghiệp từ Trung ương đến địa phương.

+ Có thể làm việc chuyên môn về tư vấn thiết kế, triển khai tại các công ty phần mềm kế toán, phân tích dữ liệu và quản trị doanh nghiệp.

+ Có khả năng khởi nghiệp cung cấp dịch vụ kế toán, tư vấn kế toán, tài chính, thuế cho các doanh nghiệp.

- Sinh viên sau khi tốt nghiệp có thể làm giảng viên, trợ giảng, chuyên gia tư vấn, nghiên cứu viên chuyên môn về lĩnh vực Kế toán nói chung và lĩnh vực Kế toán doanh nghiệp nói riêng tại các cơ sở đào tạo, cơ sở nghiên cứu khoa học trên phạm vi cả nước như: các trường đại học/học viện, các viện nghiên cứu,..

3. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (PLO: Program Learning Outcomes):

Người học sau khi tốt nghiệp CTĐT Kế toán doanh nghiệp, ngành Kế toán đạt chuẩn về kiến thức của trình độ đại học; có kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết toàn diện và kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực Kế toán; có kỹ năng nhận thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, kỹ năng giao tiếp, ứng xử; có khả năng tự chủ và trách nhiệm trong việc áp dụng kiến thức, kỹ năng để thực hiện nhiệm vụ chuyên môn đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế; cụ thể:

3.1. Về kiến thức

3.1.1. Kiến thức giáo dục đại cương

PLO1: Hiểu và vận dụng được các kiến thức cơ bản về Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam vào phân tích, giải quyết các vấn đề thực tiễn và cuộc sống; hình thành thế giới quan, nhân sinh quan tiến bộ, phương pháp luận khoa học để học tập, nghiên cứu và làm việc chuyên môn.

PLO2: - Hiểu và giải thích được các kiến thức nền tảng về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, pháp luật, để phục vụ nghiên cứu tổng quan, nghiên cứu khoa học và giải quyết các vấn đề phát sinh thuộc phạm vi công việc được giao.

- Hiểu và vận dụng được kiến thức về CNTT, có nền tảng trí tuệ nhân tạo (AI), Tiếng Anh cơ bản đáp ứng yêu cầu công việc.

PLO3: Nắm vững kiến thức giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng và an ninh để rèn luyện sức khỏe đáp ứng yêu cầu học tập, nghiên cứu, làm việc, bảo vệ Tổ quốc và hội nhập quốc tế.

3.1.2. Kiến thức cơ sở khối ngành, cơ sở ngành, ngành và bổ trợ

*** Kiến thức cơ sở khối ngành và cơ sở ngành:**

PLO4: - Hiểu và vận dụng được những nội dung lý thuyết cơ bản của nguyên lý kinh tế học, nghiên cứu các hoạt động của nền kinh tế dưới góc độ tổng thể, cùng các vấn đề chính sách liên quan đến hoạt động của từng thị trường trong việc ra quyết định của các chủ thể kinh tế, đồng thời giải thích được một số vấn đề kinh tế cụ thể mà thực tiễn đặt ra.

- Hiểu và vận dụng kiến thức nền tảng cơ bản về kế toán, tài chính, tiền tệ, pháp luật kinh tế và kinh tế lượng để phát hiện, nhận diện, phân tích, đánh giá, giải quyết vấn đề chuyên môn liên quan lĩnh vực Kế toán doanh nghiệp; vận dụng, phân tích Tiếng Anh kinh tế, Tiếng Anh chuyên ngành phục vụ học tập, nghiên cứu khoa học và nghiên cứu chuyên sâu.

*** Kiến thức ngành và bổ trợ:**

PLO5: - Vận dụng, phân tích kiến thức cơ bản về lĩnh vực Kế toán trong mối quan hệ chặt chẽ với các lĩnh vực liên quan khác.

- Vận dụng, phân tích, đánh giá, luận giải, tổng hợp được một số vấn đề chuyên sâu/nghiệp vụ cụ thể: Thống kê doanh nghiệp, Tài chính doanh nghiệp căn bản, Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế, Kiểm toán căn bản, Hệ thống thông tin kế toán, Kế toán quản trị căn bản, Kế toán công cơ bản, Phân tích tài chính căn bản làm cơ sở cho nghiên cứu chuyên sâu về Kế toán doanh nghiệp.

PLO6: Vận dụng, phân tích các kiến thức chuyên sâu cụ thể về: Thuế, Kế toán quản trị cho việc ra quyết định, Kiểm toán báo cáo tài chính căn bản, Kiểm soát quản lý, Quản lý tài chính công, Thị trường tài chính, Đầu tư xanh, Khởi nghiệp kinh doanh, Ngân hàng thương mại, Kế toán tài chính trong tiếp cận, giải quyết vấn đề để bổ trợ chuyên môn cho lĩnh vực Kế toán doanh nghiệp, hướng tới có thể liên thông ngang sang các ngành đào tạo khác cùng khối ngành kinh tế sẽ góp phần mở rộng cơ hội nghề nghiệp.

3.1.3. Kiến thức chuyên ngành

PLO7: - Phân tích, đánh giá kiến thức cơ bản chuyên sâu về kế toán doanh nghiệp để phác thảo, nắm vững được nguyên tắc chung của lĩnh vực kế toán doanh nghiệp và ứng dụng phần mềm kế toán để thực hành nghề nghiệp liên quan đến chuyên môn.

- Phân tích, đánh giá, tổng hợp có hệ thống kiến thức chuyên sâu về:

+ Kế toán các giao dịch bằng ngoại tệ; tổ chức công tác kế toán thanh toán và vốn chủ sở hữu, kế toán các khoản dự phòng và các bút toán điều chỉnh. Nội dung nghiên cứu theo các quy định pháp luật về kế toán Việt Nam. Ngoài ra nội dung học phần còn có sự so sánh cơ bản các nội dung liên quan.

+ Kế toán các khoản đầu tư tài chính; phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, kế toán liên doanh liên kết, báo cáo bộ phận.

+ Kế toán tài chính và quản trị trong các DN đặc thù như DN xây lắp, các doanh nghiệp thương mại dịch vụ, các doanh nghiệp nông nghiệp... cũng như nhận thức được vai trò của thông tin kế toán đối với việc quản lý và kiểm soát hoạt động của DN;

+ Nắm bắt các kỹ năng để thực hành tổ chức hệ thống thông tin kế toán tài chính là chủ yếu và có tăng cường kế toán quản trị trên nền tảng công nghệ.

+ Kế toán liên quan đến môi trường, xã hội và quản trị; Các vấn đề xã hội và quản trị; Phân tích nhu cầu về các tiêu chuẩn mới về kế toán và báo cáo bền vững.

PLO8: Thiết kế, xây dựng, phát triển được kiến thức thực tế, chuyên sâu; kiến thức thực tế, thực hành nghề nghiệp tại các tổ chức, doanh nghiệp, tập đoàn kinh tế/Trung tâm thực hành để đạt kiến thức chung về thực tập tốt nghiệp.

3.2. Về kỹ năng

PLO9: - Có kỹ năng hiểu, vận dụng, phân tích, đánh giá, tổng hợp, báo cáo, đề xuất, tham mưu và giải quyết vấn đề chuyên sâu thuộc lĩnh vực Kế toán doanh nghiệp; am hiểu lĩnh vực khác hỗ trợ ngành; thực hành và sử dụng phần mềm chuyên môn thành thạo.

- Có kỹ năng dẫn dắt chuyên môn; tự bổ sung, cập nhật kiến thức mới, tiếp tục nâng cao trình độ đáp ứng yêu cầu công việc trong các môi trường làm việc khác nhau.

- Có kỹ năng nghiên cứu khoa học; tư duy đổi mới và sáng tạo; soạn thảo văn bản chuẩn mực; luận giải logic các vấn đề thực tiễn đặt ra một cách thuyết phục và có căn cứ thực hiện.

- Có kỹ năng giao tiếp, ứng xử, phản biện, thấu hiểu; có kỹ năng thuyết trình, làm việc độc lập/nhóm khoa học và chuyên nghiệp để giải quyết tốt vấn đề thực tiễn.

- Có kỹ năng khởi nghiệp, tự chủ và tự chịu trách nhiệm cá nhân; thiết lập và duy trì các mối quan hệ để giải quyết tốt công việc liên quan.

PLO10: - Có năng lực học tập, nghiên cứu để đạt chuẩn tối thiểu kỹ năng công nghệ thông tin cơ bản hoặc tương đương và năng lực số theo quy định hiện hành; tìm kiếm, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu có ích và xử lý tốt thông tin, dữ liệu.

- Có kỹ năng học tập, nghiên cứu để đạt chuẩn năng lực ngoại ngữ (Tiếng Anh) tối thiểu 3/6 hoặc tương đương theo quy định của Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam; sử dụng hiệu quả Tiếng Anh chuyên sâu trong công việc chuyên môn nghề nghiệp và cuộc sống.

3.3. Về mức độ tự chủ và trách nhiệm

PLO11: - Có phẩm chất đạo đức tốt, thấu hiểu; có sức khỏe; tư duy đổi mới và cầu tiến; năng động và sáng tạo; chủ động, trung thực, khách quan và công tâm khi giải quyết công việc; tự tin và kiên trì theo đuổi mục tiêu; có khả năng lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, hướng dẫn, tổ chức thực hiện và giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ trong lĩnh vực được đào tạo chuyên sâu.

- Có tinh thần phối hợp công việc với cá nhân, nhóm, tổ chức, xã hội trong hoạt động chuyên môn và cuộc sống.

PLO12: - Có tinh thần học tập suốt đời; thích ứng nhanh với môi trường thay đổi; tự cập nhật, đào tạo để khởi nghiệp và phát triển nghề nghiệp; có ý thức kỷ luật; tuân thủ pháp luật; phục vụ cộng đồng; có trách nhiệm với tập thể/đơn vị, với nhóm và cộng đồng.

- Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.

4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH, TIÊU CHÍ TUYỂN SINH VÀ PHƯƠNG THỨC TUYỂN SINH

Thực hiện theo quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ GD&ĐT; quy chế tuyển sinh và thông báo tuyển sinh hàng năm của Học viện Tài chính.

4.1. Đối tượng tuyển sinh: Học sinh tốt nghiệp THPT hoặc trình độ tương đương.

4.2. Tiêu chí tuyển sinh:

- Thí sinh dự tuyển phải đạt ngưỡng đầu vào theo quy định của quy chế, quy định và thông báo tuyển sinh hàng năm của Học viện Tài chính

- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành

- Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định.

4.3. Phương thức tuyển sinh: Phương thức tuyển sinh được quy định rõ về các tiêu chí đánh giá, xét tuyển, cách thức tính điểm xét và xác định điều kiện trúng tuyển trong thông báo tuyển sinh hàng năm của Học viện Tài chính.

5. CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

5.1. Cấu trúc chương trình tổng thể

TT	Nhóm kiến thức	Số TC	Ghi chú
A	Kiến thức giáo dục đại cương	41	
A1	Kiến thức chung	30	
	Phần bắt buộc	24	
	Phần tự chọn	6	
A2	Kiến thức GDQP&AN, GDTC (*)	11	
B	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	90	
B1	Kiến thức cơ sở khối ngành	6	
B2	Kiến thức cơ sở ngành	24	
B3	Kiến thức ngành	16	
B4	Kiến thức chuyên ngành	14	
	Phần bắt buộc	12	
	Phần tự chọn	2	
B5	Kiến thức bổ trợ	20	
	Phần bắt buộc	12	
	Phần tự chọn	8	
B6	Kiến thức thực tập tốt nghiệp	10	
	Tổng số tín chỉ (gồm khối kiến thức GDQP&AN, GDTC)	131	
	Tổng số tín chỉ (không bao gồm khối kiến thức GDQP&AN, GDTC)	120	

Ghi chú: - (*) Khối lượng kiến thức GDQP&AN: 8 tín chỉ và GDTC: 3 tín chỉ.

- Quy định về ký hiệu mã môn học trong các CTĐT: Từng môn học được ký hiệu bằng một mã số riêng do Học viện quy định.

5.2. Cấu trúc chương trình chi tiết

TT	Mã môn học	Môn học	Số TC	Số tiết	NNGD (T.Anh)
A		PHẦN KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG	41		
A1		Kiến thức chung	30		
		<i>Phần bắt buộc</i>	24		
1	MPT0400	Triết học Mác -Lênin	3	45	
2	MPT0401	Kinh tế chính trị Mác -Lênin	2	30	
3	SSO0402	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	
4	VPP0401	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30	
5	HVE0244	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	
6	BFL0123	Tiếng Anh cơ bản	4	60	
7	AMA0239	Toán cao cấp	3	45	
8	PAS0101	Lý thuyết xác suất và thống kê	2	30	
9	GLA0141	Pháp luật đại cương	2	30	
10	ITO0236	Tin học	2	30	
		<i>Phần tự chọn</i>	6		
		<i>Nhóm 1</i>	2		
11	SRM0300	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	30	
		<i>Nhóm 2</i>	4		
12	IECO100	Kinh tế quốc tế	2	30	
13	MSI0056	Khoa học quản lý	2	30	
14	ETH0102	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2	30	
15	ALI0100	Trí tuệ nhân tạo	2	30	
A2		Kiến thức GDQP&AN, GDTC	11		
16	MED0345	Giáo dục quốc phòng	8	165	
	AED0030	Giáo dục thể chất	3	90	
		<i>Phần bắt buộc</i>	1		
17	AED0350	Chạy cự ly ngắn	1	30	
18	AED0358	Thể dục phát triển chung	1	30	Online
		<i>Phần tự chọn</i>	2		
19	AED0351	Bóng rổ	2	60	
20	AED0352	Bóng chuyền	2	60	
21	AED0353	Bơi	2	60	
22	AED0354	Bóng bàn	2	60	
23	AED0355	Cầu lông	2	60	
24	AED0356	Taekwondo	2	60	
25	AED0359	Thể dục phát triển chung với dụng cụ	2	60	Online

TT	Mã môn học	Môn học	Số TC	Số tiết	NNGD (T.Anh)
B		PHẦN KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP	90		
B1		Kiến thức cơ sở khối ngành	6		
26	MAE0012	Kinh tế vĩ mô cơ bản	3	45	
27	MIE0011	Kinh tế vi mô cơ bản	3	45	
B2		Kiến thức cơ sở ngành	24		
28	EFL0012	Tiếng Anh kinh tế	3	45	
29	EFL0011	Tiếng Anh chuyên ngành	4	60	
30	APR0123	Nguyên lý kế toán	4	60	
31	FAM0192	Tài chính tiền tệ	4	60	
32	ELA0143	Pháp luật kinh tế	2	30	
33	SPR0124	Nguyên lý thống kê	3	45	
34	CFS1001	Đại cương báo cáo tài chính hợp nhất	2	30	
35	QEC0097	Kinh tế lượng cơ bản	2	30	
B3		Kiến thức ngành	16		
36	CST0197	Thống kê doanh nghiệp	2	30	
37	CFI0301	Tài chính doanh nghiệp căn bản	2	30	
38	IAS0011	Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế	2	30	
39	GAU0078	Kiểm toán căn bản	2	30	
40	AI0010	Hệ thống thông tin kế toán	2	30	
41	MAC0030	Kế toán quản trị căn bản	2	30	
42	PAB2002	Kế toán công cơ bản	2	30	
43	BFA0110	Phân tích tài chính căn bản	2	30	
B4		Kiến thức chuyên ngành	14		
		<i>Phần bắt buộc</i>	12		
44	AFB0010	Kế toán tài chính cơ bản	4	60	
45	AFB0020	Kế toán tài chính nâng cao	2	30	
46	FAF0123	Kế toán đầu tư tài chính và báo cáo tài chính hợp nhất	3	45	
47	ASI1001	Kế toán các ngành đặc thù	3	45	
		<i>Phần tự chọn</i>	2		
48	TPA1110	Thực hành công nghệ trong kế toán	2	30	
49	SDA2010	Kế toán phát triển bền vững	2	30	

TT	Mã môn học	Môn học	Số TC	Số tiết	NNGD (T.Anh)
B5		Kiến thức bổ trợ	20		
		<i>Phần bắt buộc</i>	<i>12</i>		
50	TAX0215	Thuế	2	30	
51	MAD0111	Kế toán quản trị cho việc ra quyết định	3	45	
52	MAC5001	Kiểm soát quản lý	4	60	
53	ABF0020	Kiểm toán báo cáo tài chính căn bản	3	45	
		<i>Phần tự chọn</i>	<i>8</i>		
		<i>Nhóm 1</i>	<i>2</i>		
54	CPS0001	Kỹ năng giao tiếp và thuyết trình	1	15	
55	TES0002	Kỹ năng soạn thảo văn bản	1	15	
56	MWS0003	Kỹ năng quản lý và tổ chức công việc	1	15	
57	CNS0004	Kỹ năng tư duy phản biện và đàm phán	1	15	
58	TTS0005	Kỹ năng quản lý thời gian và làm việc nhóm	1	15	
		<i>Nhóm 2</i>	<i>6</i>		
59	PFM0150	Quản lý tài chính công	2	30	
60	SMI0196	Thị trường tài chính	2	30	
61	CMB0110	Ngân hàng thương mại	2	30	
62	SBU0410	Khởi nghiệp kinh doanh	2	30	
63	CIT1100	Đầu tư xanh	2	30	
64	FAC0061	Kế toán tài chính (Financial Accounting)	2	30	Tiếng Anh
B6		Kiến thức thực tập tốt nghiệp	10		
65	SPR0201	Thực tập tốt nghiệp – 02.01	10	150	
		<i>Thực tập cuối khóa (thực hành)</i>	<i>4</i>	<i>60</i>	
		<i>Luận văn tốt nghiệp</i>	<i>6</i>	<i>90</i>	
		Tổng số tín chỉ (gồm khối kiến thức GDQP&AN, GDTC)	131		
		Tổng số tín chỉ (không bao gồm khối kiến thức GDQP&AN, GDTC)	120		

Ghi chú: - Môn học GDTC (online) áp dụng thay thế khi tổ chức học trực tuyến
- Ngôn ngữ giảng dạy (NNGD) chỉ xác định với môn học giảng bằng Tiếng Anh

5.3. Kế hoạch giảng dạy toàn khóa (dự kiến)

TT	NỘI DUNG	HỌC KỲ							
		(dấu x là các kỳ có thể bố trí)							
		1	2	3	4	5	6	7	8
A	KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG								
A1	Kiến thức chung	x	x	x	x	x			
	Phần bắt buộc	x	x	x					
	Phần tự chọn	x	x	x	x	x			
A2	Kiến thức GDQP&AN, GDTC	x	x	x	x	x	x		
B	KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP								
B1	Kiến thức cơ sở khối ngành		x	x					
B2	Kiến thức cơ sở ngành		x	x	x	x			
B3	Kiến thức ngành			x	x	x	x	x	
B4	Kiến thức chuyên ngành				x	x	x		
	Phần bắt buộc				x	x	x		
	Phần tự chọn				x	x	x		
B5	Kiến thức bổ trợ				x	x	x	x	
	Phần bắt buộc				x	x	x	x	
	Phần tự chọn	x	x	x	x	x	x	x	
B6	Kiến thức thực tập tốt nghiệp						x	x	x

Ghi chú: Kế hoạch giảng dạy trên có tính chất tương đối, việc bố trí kế hoạch giảng dạy thực tế hàng năm phải căn cứ vào quy định về điều kiện học tập của môn học.

6. TỔ CHỨC ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP.

6.1. Quy trình đào tạo

- CTĐT được thiết kế hoàn thành khóa học 4 năm với tổng 8 học kỳ (trong đó: tối đa 7 học kỳ tích lũy kiến thức tại Học viện và 1 học kỳ thực tập tại cơ sở thực tế/Trung tâm thực hành nghề nghiệp và hoàn thành luận văn tốt nghiệp). Tuy nhiên, tùy theo năng lực của người học có thể hoàn thành khóa học sớm hơn quy định.

- Quy trình đào tạo thực hiện theo quy chế đào tạo tín chỉ hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định của Học viện Tài chính.

6.2. Phương pháp giảng dạy:

- Phương pháp dạy học theo hướng lấy người học làm trung tâm của quá trình đào tạo.

- Phương pháp giảng dạy phù hợp với mục tiêu, nội dung và chuẩn đầu ra của môn học; tích hợp kiến thức lý thuyết, thực tiễn và kỹ năng; tăng cường tính thực tiễn mang lại hiệu quả để giúp sinh viên đạt được mục tiêu và chuẩn đầu ra của môn học trong CTĐT.

- Phương pháp dạy học được áp dụng là phương pháp dạy học tích cực nhằm thúc đẩy sự sáng tạo, chủ động và tích cực của sinh viên; cụ thể: **1)** Phương pháp thuyết giảng; **2)** Phương pháp thảo luận; **3)** Phương pháp làm việc

nhóm; 4) Phương pháp tranh biện; 5) Phương pháp tình huống; 6) Phương pháp trải nghiệm thực tế; 7) Phương pháp thực hành; 8) Các PP khác phù hợp với đặc thù của môn học/CTĐT.

- Phương pháp giảng dạy khuyến khích ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy - học; kết hợp giữa giảng dạy trên lớp và giảng dạy trên nền tảng số,... nhằm phát triển năng lực nhận biết và phân tích vấn đề thực tiễn.

- Tăng cường giảng dạy theo hình thức hướng dẫn, chú trọng hoạt động trải nghiệm cho sinh viên theo hình thức phù hợp nhằm tăng tính trực quan, tăng động lực học tập, sáng tạo, cải thiện khả năng ứng dụng kiến thức, kỹ năng vào các vấn đề thực tế.

6.3. Đánh giá kết quả học tập và cách thức đánh giá:

- Đánh giá kết quả học tập của sinh viên được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra của môn học và CTĐT.

- Đánh giá kết quả học tập của người học dựa trên chuẩn đầu ra, xác định mức độ đạt được của người học quy định trong chuẩn đầu ra của mỗi môn học; đánh giá không chỉ tập trung vào kiến thức mà còn đánh giá được năng lực thông qua thực hành phù hợp với phương pháp dạy học, giải quyết vấn đề thực tế, kỹ năng và thái độ của sinh viên.

- Đánh giá kết quả học tập của sinh viên dựa trên đánh giá quá trình và kết quả đánh giá kết thúc môn học; làm cơ sở để điều chỉnh hoạt động dạy - học, ghi nhận và thúc đẩy sự tiến bộ của người học, cải tiến và tổ chức thực hiện CTĐT.

- Phương pháp đánh giá kết quả học tập phù hợp với chuẩn đầu ra của môn học; đặc điểm môn học; phương pháp giảng dạy; đảm bảo tính đa dạng, độ tin cậy và sự công bằng trong hoạt động dạy - học.

- Các thành phần đánh giá kết quả học tập được công khai và có tỷ lệ phù hợp, bao gồm: đánh giá quá trình và đánh giá tích lũy kiến thức; có thể bổ sung các phương pháp đánh giá nếu thấy phù hợp; khuyến khích sinh viên tích lũy kiến thức thông qua việc tự nghiên cứu, tự học.

- Các thành phần đánh giá bao gồm:

+ Đánh giá quá trình: có thể dưới hình thức đánh giá ý thức học tập của sinh viên (chuyên cần, thái độ học tập), đánh giá bài tập cá nhân, bài tập nhóm và kiểm tra giữa kỳ theo quy định đào tạo phù hợp với số tín chỉ quy định trong CTĐT.

+ Đánh giá tích lũy kiến thức: có thể dưới hình thức thi kết thúc môn học hoặc các hình thức khác đánh giá kết thúc môn học.

+ Đánh giá kết quả học tập theo thang điểm 10 kết hợp với thang điểm chữ A, B, C, D, F theo quy định đào tạo hiện hành của Học viện Tài chính.

6.4. Điều kiện công nhận tốt nghiệp

Kết thúc khóa học, sinh viên được công nhận tốt nghiệp nếu đáp ứng được các điều kiện theo quy định đào tạo tín chỉ hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo; các quy định của Học viện Tài chính.

7. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

- Mỗi CTĐT được xây dựng bản mô tả CTĐT chi tiết riêng. Việc tổ chức xây dựng CTĐT Kế toán doanh nghiệp (Chương trình chuẩn) phù hợp với ngành Kế toán; với tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi, chiến lược phát triển đến năm 2030 và tầm nhìn 2045 của Học viện Tài chính.

- Nội dung CTĐT Kế toán doanh nghiệp được thực hiện theo Quy chế đào tạo trình độ đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quy định đào tạo trình độ đại học tại Học viện Tài chính

- Định kỳ, Học viện tổ chức rà soát, đánh giá, cập nhật CTĐT trình độ đại học của ngành và CTĐT thuộc ngành theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

TRƯỞNG KHOA

Mai Ngọc Anh

GIÁM ĐỐC ✓

Nguyễn Đào Tùng